TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày: 15/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* bà **Vương Thị Thanh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* bà **Nguyễn Bích Thuỷ** và ông **Phạm Văn Kha**

- *Thư ký phiên tòa:* ông **Nguyễn Trung Hiếu**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà tham gia phiên tòa:* ông **Đinh Hồng Khanh**, kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đào Văn M; tên gọi khác: không; sinh ngày 07/10/1988 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn E, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; con ông: Đào Văn K và bà Hoàng Thị B; vợ: Phùn Thị D (đã ly hôn); con: có 01 con; tiền án: 01 tiền án: ngày 10/8/2022 bị Toà án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 15 tháng tù về tội "đánh bạc", ngày 11/5/2023 chấp hành xong hình phạt tù, tiền sự: không; nhân thân: ngày 02/4/2010 bị Toà án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích"; ngày 18/5/2010 bị Toà án nhân dân huyện Hải Hà xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 15/11/2018 bị Toà án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội "Đánh bạc", ngày 26/12/2019 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 01/3/2022 chấp hành xong hình phạt bổ sung. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 19/3/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, có mặt.

2. Lê Văn Đ; tên gọi khác: không; sinh ngày 10/3/1983 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu N, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lê Văn T và bà Đỗ Thị Đ1; vợ: Nguyễn Thanh N, con: có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú và tạm giữ ngày 31/01/2024, ngày 07/02/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

3. Nguyễn Văn H; tên gọi khác: không; sinh ngày 07/9/1985 tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu M, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Văn T1 và bà Đỗ Thị L; vợ: Nguyễn Thị X; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 30/01/2024, ngày 07/02/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

4. Đỗ Quang H1; tên gọi khác: không; sinh ngày 13/6/1996 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn C, xã Q, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 09/12; con ông: Đỗ Quang H2 và bà Nguyễn Thị H3; vợ: Bùi Như Q (đã ly hôn); con: có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 30/01/2024, ngày 07/02/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

5. Hoàng Văn L1; tên gọi khác: không; sinh ngày 01/8/1999 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn H, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 03/12; con ông: Hoàng Văn D1 và bà Nông Thị X1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 30/01/2024, ngày 07/02/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

6. Trần Văn T2; tên gọi khác: không; sinh ngày 09/10/1986 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: thôn I, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 01/12; con ông: Trần Sìu D2 và bà Hoàng Thị Q1; vợ: Hà Thị M1; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 30/01/2024, ngày 07/02/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

7. Nguyễn Văn K1; tên gọi khác: không; sinh ngày 11/5/1982 tại huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: thôn C, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 09/12; con ông: Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị D3; vợ: Đoàn Thị H4; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 30/01/2024, ngày 07/02/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

8. Nguyễn Trung T3; tên gọi khác: không; sinh ngày 14/3/1973 tại huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Trung K2 và bà Nguyễn Thị L2; vợ: Nguyễn Thị T4; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 30/01/2024, ngày 07/02/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

9. Nguyễn Trung T5; tên gọi khác: không; sinh ngày 09/10/1970 tại huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; con ông: Nguyễn Trung K2 và bà Nguyễn Thị L2; vợ: Nguyễn Thị L3; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 30/01/2024, ngày 07/02/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

10. Trương Văn T6; tên gọi khác: không; sinh ngày 10/5/1988 tại huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi thường trú: thôn Đ, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông: Trương Văn T7 và bà Nguyễn Thị Đ2; vợ: Nguyễn Thị H5; con: có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 30/01/2024, ngày 07/02/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

11. Những người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn F, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu C, phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn L4, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn T, xã V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 30/01/2024, trong khu nhà ăn của Nhà máy gạch tuynel thuộc thôn F, xã Q, huyện H, Đào Văn M rủ Lê Văn Đ đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền, Đ đồng ý. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, M đi lên phòng ngủ trên tầng 2 thì thấy Đ đã chuẩn bị 01 chiếc bát sứ và 01 chiếc đĩa sứ, và 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài tú lơ khơ. Do nghi ngờ Đ gian lận, M cầm 04 quân vị Đ đã cắt vứt đi và yêu cầu Đồng cắt 04 quân vị khác cho M thấy. Sau khi Đồng cắt được 04 quân vị mới thì M và Đ dùng 01 bộ bát đĩa sứ và 04 quân bài vị có hình tròn được cắt từ quân bài tú lơ khơ, một mặt có hình quân bài cơ, một mặt có hình hoa văn màu xanh, để đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa ăn tiền.

Hình thức đánh xóc đĩa như sau: người cầm cái sử dụng 01 bộ bát đĩa bằng sứ úp vào nhau, bên trong có 04 quân vị hình tròn xóc đều, còn những người tham gia chơi đặt cược vào cửa "chẵn" hoặc "lẻ", quy định tính theo hướng người cầm cái thì bên trong về phía cái là "chẵn", bên ngoài là "lẻ". Sau đó mở bát để đối chiếu kết quả, nếu 04 quân vị có 01 quân ngửa, 03 quân úp hoặc ngược lại là "lẻ"; nếu 02 quân úp, 02 quân ngửa hoặc 04 quân cùng úp hoặc 04 quân cùng ngửa "chẵn". Mỗi ván đánh nếu người chơi đặt đúng cửa "chẵn" hoặc "lẻ" mình đã chọn thì người chơi sẽ

thắng và được số tiền tương ứng số tiền đã đặt và ngược lại nếu đặt sai thì bị thua số tiền đã đặt. Số tiền đặt cửa ít nhất là 10.000 đồng, cao nhất không giới hạn.

Những người tham gia đánh bạc gồm: Đào Văn M, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Trung T3, Trần Văn T2, Trương Văn T6, Nguyễn Văn K1, Đỗ Quang H1, Hoàng Văn L1. Đ cầm cái được khoảng 20 phút thua 700.000 đồng, còn lại 30.000 đồng nên Đ không chơi nữa, chuyển cho M cầm cái rồi đi ngủ. M cầm cái khoảng 10 phút thì M thua khoảng 140.000 đồng nên không chơi nữa, chuyển cho H cầm cái rồi đi về. H cầm cái cho mọi người tham gia đánh bạc đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày bị Công an huyện H phát hiện và bắt quả tang 08 đối tượng gồm: Nguyễn Văn H, Hoàng Văn L1, Nguyễn Văn K1, Trần Văn T2, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Trung T3, Đỗ Quang H1, Trương Văn T6 đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ăn tiền. Vật chứng thu giữ: 01 chiếc chiếu nhựa kích thước (1,6 x 1,95)m; 01 chiếc bát sứ màu trắng; 01 chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài tú lơ khơ (01 mặt chất cơ, 01 mặt có hình hoa văn màu xanh); thu tại chiếu bạc 500.000 đồng; thu trên người Hùng 6.217.000 đồng H dùng để đánh bạc và 10.000.000 đồng H để trong ví không sử dụng đánh bạc; H1 5.260.000 đồng; Tuyền 610.000 đồng; K1 1.885.000 đồng; Thủ 1.500.000 đồng; Làu 1.050.000 đồng; Thảnh 300.000 đồng; Tuyến 1.700.000 đồng. Ngày 31/01/2024 Đ đến Công an huyện H đầu thú; ngày 19/3/2023 M đến công an huyện H đầu thú (bút lục 143, 154, 363, 371, 380).

Quá trình đánh bạc, M sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, Đ sử dụng 730.000 đồng, H sử dụng 6.607.000 đồng, T5 sử dụng 800.000 đồng, T3 sử dụng 810.000 đồng, T2 sử dụng 1.500.000 đồng, T6 sử dụng 320.000 đồng, Nguyễn Văn K1 sử dụng 1.485.000 đồng, H1 sử dụng 5.060.000 đồng, L1 sử dụng 1.600.000 đồng để đánh bạc.

Quá trình điều tra, các bị can Đào Văn M, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Trung T3, Trần Văn T2, Trương Văn T6, Nguyễn Văn K1, Đỗ Quang H1, Hoàng Văn L1 đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên (Bút lục 187, 211, 234, 254, 265, 284, 308, 325, 342, 358).

Tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đều ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người làm chứng Nguyễn Văn N1, Nguyễn Duy C, Nguyễn Văn L4 vắng mặt tại phiên toà có lời khai tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo về nội dung vụ án, cụ thể: anh N1, anh C và anh L4 đều là công nhân làm việc tại Nhà máy G. Khoảng 18 giờ ngày 30/01/2024, sau khi ăn tối tất niên tại công ty, các anh N1, C, L4 đều ngủ tại gian phòng tập thể của nhà máy thì nhìn thấy các bị cáo đang tham gia đánh bạc tại gian phòng ngủ, khoảng 21 giờ 30 phút, lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang và đưa những người có liên quan về trụ sở lam việc.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác định hiện trường, thu giữ vật chứng, kết quả phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người làm chứng về thời gian, địa điểm, diễn biến vụ việc Đào Văn M, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H,

Nguyễn Trung T5, Nguyễn Trung T3, Trần Văn T2, Trương Văn T6, Nguyễn Văn K1, Đỗ Quang H1, Hoàng Văn L1 có hành vi đánh bạc trái phép tại khu vực phòng ngủ của công nhân nhà máy gạch thuộc thôn F, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

Tại Cáo trạng số 178/CT-VKSHH ngày 10/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà đã truy tố Đào Văn M, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Trung T3, Trần Văn T2, Trương Văn T6, Nguyễn Văn K1, Đỗ Quang H1, Hoàng Văn L1 về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt Đào Văn M từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2024.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (các bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn T2, Hoàng Văn L1, Đỗ Quang H1 được áp dụng thêm khoản 2) Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt:

- Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đỗ Quang H1, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Trung T3, Trần Văn T2, Trương Văn T6, Nguyễn Văn K1, Hoàng Văn L1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; giao bị cáo Đỗ Quang H1 và Nguyễn Văn K1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; giao bị cáo Hoàng Văn L1 và Trần Văn T2 cho cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; giao bị cáo Nguyễn Trung T3, Nguyễn Trung T5 và Trương Văn T6 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 19.052.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc; tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc chiếu nhựa, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài tú lơ khơ là những công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax màu vàng, bị cáo Đỗ Quang H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh, bị cáo Nguyễn Trung T3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ, bị cáo Nguyễn Văn K1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ, bị cáo Trần Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s màu đỏ, bị cáo Hoàng Văn L1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 màu xanh các bị cáo không sử dụng liên lạc

phạm tội; trả lại cho bị cáo Lê Văn Đ số tiền 6.540.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc; truy thu của bị cáo Đào Văn M số tiền 1.060.000 đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng khác của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản rõ ràng, phù hợp với lời khai của những người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều khẳng định lời khai của mình là tự nguyện, trung thực, không bị ai ép buộc, mớm cung, đủ cơ sở xác định: khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30/01/2024, tại Nhà máy G thuộc thôn F, xã Q, huyện H, Đào Văn M, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Trung T3, Trần Văn T2, Trương Văn T6, Nguyễn Văn K1, Đỗ Quang H1, Hoàng Văn L1 có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức "xóc đĩa" được thua bằng tiền với tổng số tiền 20.112.000đ *(hai mươi triệu một trăm mười hai nghìn đồng),* bị Công an huyện H bắt quả tang thu giữ vật chứng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: "*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…*". Do đó, cáo trạng số 178/CT-VKSHH ngày 10/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, lời luận tội có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trên địa bàn. Hành vi đánh bạc là một tệ nạn xã hội, là thói hư tật xấu làm xói mòn đạo đức con người và ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Tệ nạn cờ bạc có thể là nguyên nhân phát

sinh nhiều loại tội phạm khác như cướp tài sản, trộm cắp tài sản… Các bị cáo trong vụ án này đều ý thức được việc làm của mình là sai trái nhưng vẫn bất chấp pháp luật, sử dụng gian phòng ngủ để đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền nhằm tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, cần thiết phải đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm minh.

[4] Về vai trò trong vụ án: đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc thống nhất từ trước mà sau khi ăn cơm tất niên xong mới rủ nhau cùng đánh bạc. Bị cáo M khởi xướng việc đánh bạc, đồng thời rủ bị cáo Đ tham gia, M cũng là người trực tiếp cầm cái, bị cáo Đ tiếp nhận ý chí của M, đồng ý cùng M đánh bạc, chuẩn bị bát đĩa và cắt quân vị, Đ cũng là người cầm cái đầu tiên, do đó, M giữ vai trò đầu vụ và sau M là Đ. Tiếp đến bị cáo H là người cầm cái sau bị cáo M và Đ, H sử dụng số tiền lớn nhất là 6.607.000 đồng, bị cáo H1 cũng sử dụng số tiền lớn thứ hai là 5.060.000 đồng tham gia đánh bạc, H giữ vai trò sau M và Đ, H1 giữ vai trò sau H. Các bị cáo còn lại gồm T3, T5, T2, L1, K1, T6 tham gia đặt cửa với mức tiền cơ bản không chênh lệch nhau nhiều nên giữ vai trò như nhau.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: giai đoạn điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trung T5, Nguyễn Trung T3, Trần Văn T2, Hoàng Văn L1, Nguyễn Văn K1, Trương Văn T6 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo M và Đ sau khi phạm tội ra đầu thú, bị cáo Đ có bố là ông Lê Văn T và mẹ là bà Đỗ Thị Đ1 tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước tặng huân chương kháng chiến hạng ba và huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo Đỗ Quang H1 một mình nuôi hai con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, Trần Văn T2 và Hoàng Văn L1 hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên các bị cáo Đ, H1, T2 và L1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Đào Văn M phạm tội khi chưa được xoá án tích tại Bản án số 37/2022/HSST ngày 10/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt đối với các bị cáo: trong vụ án này, các bị cáo đều tham gia đánh bạc cùng nhau, tuy nhiên vai trò và mức độ tham gia của từng bị cáo khác nhau, nên cần đánh giá cá thể hoá từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội. Bị cáo M là người khởi xướng việc đánh bạc và rủ Đ tham gia, đồng thời M cũng là người cầm cái, hơn nữa bị cáo M đang có 01 tiền án về tội Đánh bạc, bị cáo cũng có nhân thân xấu, từng 03 lần bị kết án về các tội cố ý gây

thương tích, trộm cắp tài sản và đánh bạc, nhưng không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo M mới đủ tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Các bị cáo còn lại chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều là người lao động nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền cũng đủ giáo dục thành công dân có ích. Tuy nhiên, qua đánh giá vai trò của các bị cáo thấy, bị cáo Đ và H có vai trò cao hơn các bị cáo khác, do đó cần có mức hình phạt cao hơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo H1 tuy sử dụng số tiền lớn hơn các bị cáo T3, T5, K1, T2, L1, T6 để đánh bạc nhưng bị cáo hiện đã ly hôn, một mình nuôi hai con nhỏ, là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt đối với H1 bằng mức hình phạt của các bị cáo còn lại là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đang áp dụng đối với các bị cáo cần thiết phải huỷ bỏ.

[8] Về vật chứng vụ án: quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã thu giữ:

- Số tiền 35.592.000 đồng, trong đó: số tiền thu tại chiếu bạc và số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 19.052.000 đồng cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Văn H và số tiền 6.540.000 đồng của bị cáo Lê Văn Đ là tiền riêng của các bị cáo, không sử dụng vào việc đánh bạc, cần trả lại cho hai bị cáo. Riêng bị cáo M sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, bị cáo thua 140.000 đồng, còn 1.060.000 bị cáo mang về và đã ăn tiêu hết, không giao nộp cho Cơ quan điều tra. Do đó, cần buộc bị cáo M phải nộp lại số tiền 1.060.000 đồng sử dụng vào việc phạm tội sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 bát sứ màu trắng, 01 đĩa sứ màu trắng, 04 quân bài vị hình tròn được cắt từ quân bài tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu là các công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu huỷ.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12promax màu vàng của bị cáo Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12promax màu xanh của bị cáo Đỗ Quang H1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ của bị cáo Nguyễn Trung T3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ của bị cáo Nguyễn Văn K1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s màu đỏ của bị cáo Trần Văn T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 màu xanh của bị cáo Hoàng Văn L1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen của bị cáo Lê Văn Đ; toàn bộ số điện thoại nói trên các bị cáo không sử dụng liên lạc phạm tội, cần trả lại cho các bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét thấy các bị cáo làm việc tại Công ty G1, tuy nhiên sau khi phạm tội đều đã nghỉ việc, hiện không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[10] Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[11] Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Văn M.

- Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H, Đỗ Quang H1, Trần Văn T2, Hoàng Văn L1, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Trung T3, Nguyễn Trung T5, Trương Văn T6 (các bị cáo Lê Văn Đ, Trần Văn T2, Hoàng Văn L1, Đỗ Quang H1 được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Tuyên bố: các bị cáo Đào Văn M, Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H, Đỗ Quang H1, Hoàng Văn L1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Trung T3, Nguyễn Trung T5, Trương Văn T6 phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt:

1. Đào Văn M 21 (hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2024.

2. Lê Văn Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Nguyễn Văn H 09 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Đỗ Quang H1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Nguyễn Văn K1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Đỗ Quang H1 và Nguyễn Văn K1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Hoàng Văn L1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Trần Văn T2 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hoàng Văn L1 và Trần Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Nguyễn Trung T3 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

9. Nguyễn Trung T5 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

10. Trương Văn T6 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Trung T3, Nguyễn Trung T5, Trương Văn T6 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng điểm d khoản 1 khoản Điều 125 Bộ luật Tố tụng Hình sự: huỷ bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 ngày 19/4/2024 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60 ngày 19/4/2024 của Toà án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo Lê Văn Đ, Nguyễn Văn H, Đỗ Quang H1, Hoàng Văn L1, Trần Văn T2, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Trung T3, Nguyễn Trung T5, Trương Văn T6.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 19.052.000 (mười chín triệu không trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) bát sứ màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) quân bài vị hình tròn được cắt từ quân bài tú lơ khơ, một mặt có hình quân bài cơ, một mặt có hình hoa văn màu xanh; 01 (một) chiếc chiếu có kích thước 1,6m x 1,95m.

- Trả lại cho: bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12promax màu vàng gắn sim số 0984229919 và số tiền 10.000.000 (mười triệu)

đồng; bị cáo Đỗ Quang H1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12promax màu xanh, gắn sim số 0767496777; bị cáo Nguyễn Trung T3 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen gắn số 0974737495 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ gắn sim số 0327894426; bị cáo Nguyễn Văn K1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ, gắn sim số 0868969145; bị cáo Trần Văn T2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5s màu đỏ gắn sim số 0985532630; bị cáo Hoàng Văn L1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11 màu xanh, gắn sim số 0334479767 và 0789334878; bị cáo Lê Văn Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen gắn sim số 0904336462 và số tiền 6.540.000 (sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

(Các vật chứng nói trên tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà).

Truy thu của bị cáo Đào Văn M số tiền 1.060.000 (một triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23p Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về chế độ thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Toà án: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Về quyền kháng cáo: áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 331, khoản 1, khoản 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hải Hà;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hải Hà;
- Cơ quan hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công an huyện Hải Hà;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Uỷ ban nhân dân xã Quảng Phong, huyện Hải Hà;
- Uỷ ban nhân dân xã Quảng Long, huyện Hải Hà;
- Uỷ ban nhân dân phường Hưng Đạo, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Uỷ ban nhân dân phường Kim Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Uỷ ban nhân dân xã Thắng Thuỷ, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Thanh